TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **198**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNB, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Duy Hừng.

2. Ông Hồ Thanh Hùng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tín- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Uyển M** sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã Q, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Anh **Lê Hoài B** sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã ML, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Uyển M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hoài B chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 13/6/2016. Trong cuộc sống vợ chồng thì hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê Song Bảo T sinh ngày

10/01/2017. Hiện cháu T đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi cháu T, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Hoài B trình bày:*

Anh đồng ý ly hôn với chị M do vợ chồng có mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh đồng ý chị M nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do bận đi làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị M và anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị M và anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh B chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 13/6/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh B là bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và vợ chồng sống ly thân đã lâu (từ năm 2019 cho đến nay) nhưng chị M và anh B không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ giữa chị M và anh B đã xảy ra mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh B đồng ý ly hôn với chị M. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh B là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện chị M đang nuôi cháu T, anh B đồng ý để chị M nuôi dưỡng con chung và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị M khi chị M và anh B ly hôn. Do đó để đảm B ổn định cuộc sống và quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Xét thấy, chị M yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và anh B đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị M là phù hợp với các điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị M và anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh B phải chịu án phí cấp dưỡng theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Uyển M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Uyển M được ly hôn với anh Lê Hoài B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Song Bảo T sinh ngày 10/01/2017 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về cấp dưỡng*: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng với mức 1.000.000đồng (một triệu đồng)/tháng. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0015438 ngày 03/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, chị M đã nộp xong án phí.

- Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị M và anh B được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- UBND xã Q, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi